

Số: 66/2025/QĐST-HNGĐ

P-T, ngày 25 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 156/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc A sinh năm: 1985.

Bị đơn: Ông Lê G, sinh năm 1981.

Cùng nơi cư trú: Khu phố B, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Ngọc A và ông Lê G.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Ông Lê G đồng ý giao 02 con chung tên Lê Thị Kim O, sinh ngày 23/3/2010 và Lê Kim U, sinh ngày 16/11/2012 cho bà Lê Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng/con (02 con 2.000.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/5/2025 cho đến khi cháu Lê Thị Kim O, cháu Lê Kim U đủ 18 tuổi, tự lao động được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên còn phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Về tài sản chung và nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc A đồng ý nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001090 ngày 24/3/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - T. Bà A đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NT;
- VKSND TP.PR - TC;
- CCTHADS TP.PR - TC;
- UBND phường Đông Hải (Giấy CNKH số 189 ngày 09/12/2025);
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Hùng

